

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2026/DS-ST
Ngày 09 - 02 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Kết

Ông Thái Hoàng Bo

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 635/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2026/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Bích N, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: : B04.04B, Ht – NC, số 28 NBK, TH, ĐH, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1992; địa chỉ cư trú: tầng 6, số 208 ĐBP, phường XH, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 06/11/2025) (vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Lê Thùy N1, sinh ngày 24/4/1994; địa chỉ cư trú: ấp TAN A, xã TAK, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Trần Văn T trình bày: Trong khoảng thời gian từ ngày 20/02/2024 đến ngày 14/4/2024, chị N đã chuyển khoản cho chị N1 tổng số tiền 780.000.000đ. Sau khi chuyển tiền, chị N1 có làm 03 giấy cam kết đã nhận tiền của chị N với các lần là 200.000.000đ + 400.000.000đ + 180.000.000đ = 780.000.000đ. Khi vay tiền,

giữa chị N và chị N1 tự thỏa thuận về lãi suất. Từ khi vay đến nay, chị N1 trả tiền lãi cho chị N được 43.350.000đ. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết, chị N xin sao kê số tiền chuyển khoản giữa chị N với chị N1 chỉ thể hiện số tiền 653.500.000đ. Nay chị N yêu cầu chị N1 trả số tiền vốn 635.000.000đ, lãi tạm tính từ ngày 01/6/2024 đến 28/11/2025 với số tiền 113.302.800đ, tổng cộng 893.302.800đ.

Đối với chị Lê Thùy N1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng chị không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị Bích N khởi kiện chị Lê Thùy N1 là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện chị N1 có vay của chị N 03 lần với tổng số tiền là 780.000.000đ. Từ khi vay đến nay chị N1 có trả tiền lãi cho chị N được 43.350.000đ. Tuy nhiên, sau khi chị N đối chiếu bảng sao kê lịch sử chuyển tiền thể hiện số tiền chị N chuyển cho chị N1 là 653.000.000đ. Do đó, chị N chỉ yêu cầu chị N1 trả số tiền 653.500.000đ. Xét thấy: Việc các đương sự giao dịch vay tiền với nhau bằng hình thức chuyển khoản, không có thiết lập biên nhận, nhưng có thiết lập 03 giấy cam kết có chị N, chị N1 cùng ký. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết chị N1 không có yêu cầu phản tố, cũng như ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N. Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị N là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ khi vay tiền đến trước ngày 01/6/2024, chị N1 có trả tiền lãi cho chị N được 43.350.000đ. Từ sau ngày 01/6/2024 đến ngày xét xử (ngày 09/02/2026) chị N1 không thanh toán tiền lãi chị N. Do đó, yêu cầu tiền lãi của chị N là có căn cứ nên được chấp nhận. Buộc chị N1 phải có nghĩa vụ trả tiền lãi cho chị N cụ thể: $(653.000.000đ \times 20\%/năm) \times 20 \text{ tháng } 08 \text{ ngày} = 220.562.000đ$.

[5] Xét về án phí dân sự: Chị N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Bích N.

1. Buộc chị Lê Thùy N1 phải có nghĩa vụ trả cho Phạm Thị Bích N số tiền vốn 653.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi ba triệu đồng), tiền lãi 220.562.000 đồng (hai trăm hai mươi triệu năm trăm sáu mươi hai ngàn đồng), tổng cộng 873.562.000 đồng (tám trăm bảy mươi ba triệu năm trăm sáu mươi hai ngàn đồng).

Kể từ ngày chị Phạm Thị Bích N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Lê Thùy N1 chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng chị N1 còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự:

2.1. Chị Phạm Thị Bích N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho chị N 19.399.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0006634 ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau.

2.2. Chị Lê Thùy N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 38.206.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh

